

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 32/2020/DS-ST
Ngày: 28/07/2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Hạnh**.
2. Ông **Nguyễn Văn Tám**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2020/TLST- DS ngày 18 tháng 03 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 06 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST – DS ngày 09 tháng 07 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: M, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang;

Ông **Lê Chí T**, sinh năm 1977 trú tại số B, Tổ S, ấp A, xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn Th** (Văn bản ủy quyền ngày 18/03/2020). (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang H**, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: A, ấp B, xã Tr, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 16/03/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th - đại diện theo ủy quyền ông Lê Chí T trình bày:**

Trong năm 2018 ông Nguyễn Văn Th có cho anh Nguyễn Quang H vay số tiền 180.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1, ngày 20/10/2018 ông Th cho anh H vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là 05 tháng trả vốn (tức đến ngày 20/3/2019 đến

hạn trả tiền vay), hai bên có làm biên nhận nợ, anh H có ký tên. Đến nay đã quá thời hạn vay nhưng anh H không trả cho ông Th tiền vốn và tiền lãi. Lần 2, ngày 09/12/2018, ông Th cho anh H vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng trả vốn (tức đến ngày 09/3/2019 đến hạn trả tiền), hai bên có làm biên nhận nợ, anh H có ký tên, phần cuối biên nhận nợ ghi ngày 09/02/2018 được đính chính là ngày 09/12/2018. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng anh H không trả tiền vốn và tiền lãi cho ông Th. Tổng cộng hai khoản nợ trên anh Nguyễn Quang H còn nợ ông Nguyễn Văn Th số tiền 180.000.000 đồng.

Nay ông Nguyễn Văn Th yêu cầu anh Nguyễn Quang H trả cho ông số tiền 150.000.000 đồng vốn vay ngày 20/10/2018 và tiền lãi với lãi suất 1,666%/tháng tính từ ngày 20/10/2018 cho đến ngày Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử. Yêu cầu anh H trả số tiền 30.000.000 đồng vốn vay ngày 09/12/2018 và tiền lãi với lãi suất là 1,666%/tháng tính từ ngày 09/12/2018 cho đến ngày Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử. Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Th có đơn xin rút và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thọ, cụ thể như sau: Ông Nguyễn Văn Th yêu cầu anh Nguyễn Quang H phải có trách nhiệm trả cho ông Th số tiền vốn 150.000.000 đồng vay ngày 20/10/2018 và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 20/04/2019 cho đến ngày xét xử 28/07/2020. Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Văn Th yêu cầu anh Nguyễn Quang H phải có trách nhiệm trả cho ông Th số tiền vốn 30.000.000 đồng vay ngày 09/12/2018 và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 20/04/2019 cho đến ngày xét xử 28/07/2020. Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Quang H, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Bị đơn anh Nguyễn Quang H dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật

tổ tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th thuộc tranh chấp dân sự là “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn anh Nguyễn Quang H cư trú tại A, ấp B, xã Tr, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Quang H vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Quang H.

[3] Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Quang H phải có trách nhiệm trả cho ông Th số tiền nợ vốn gốc là 180.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử, ông Th đã cung cấp cho Tòa án 01 bản gốc Giấy mượn tiền ngày 09/12/2018 với số tiền nợ 30.000.000 đồng (bút lục số 33); 01 bản gốc Giấy mượn tiền ngày 20/10/2018 với số tiền nợ 150.000.000 đồng (bút lục số 34) và ông Th khẳng định biên nhận nợ do anh Nguyễn Quang H viết tên và ký tên.

Xét thấy, đối với bị đơn anh Nguyễn Quang H. Sau khi Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các thông báo kết quả phiên họp và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo đúng thủ tục hợp lệ. Nhưng bị đơn anh Nguyễn Quang H không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không nộp bản tự khai, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và ý kiến đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự cho thấy chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự, ông Nguyễn Văn Th yêu cầu anh Nguyễn Quang H phải trả số tổng tiền nợ vốn vay là 180.000.000 đồng là có cơ

sở phù hợp với những điều luật đã viện dẫn ở trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy trong mối quan hệ tranh chấp này, anh Nguyễn Quang H là người có lỗi đã vi phạm hợp đồng không trả nợ cho ông Nguyễn Văn Th. Nay ông Nguyễn Văn Th yêu cầu anh Nguyễn Quang H trả cho ông Th tổng số tiền nợ vốn gốc 180.000.000 đồng, thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Do anh Nguyễn Quang H đã vi phạm về thời gian trả nợ và phương thức trả nợ nên cần buộc anh Nguyễn Quang H phải trả số tiền nợ cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp. Ông Nguyễn Văn Th yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 09/04/2019 đến ngày xét xử 28/07/2020 (đối với biên nhận nợ 30.000.000 đồng) và tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 20/04/2019 đến ngày xét xử 28/07/2020 (đối với biên nhận nợ 150.000.000 đồng). Xét yêu cầu tính lãi của số tiền vốn vay là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Số tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 09/04/2019 đến ngày 28/07/2020 của số tiền vốn 30.000.000 đồng được tính như sau:

* $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 3.892.700 \text{ đồng}$ (từ ngày 09/04/2019 đến ngày 28/07/2020).

+ Số tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 20/04/2019 đến ngày 28/07/2020 của số tiền vốn 150.000.000 đồng được tính như sau:

* $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 19.007.000 \text{ đồng}$ (từ ngày 20/04/2019 đến ngày 28/07/2020).

Như vậy số tiền vốn lãi anh Nguyễn Quang H phải trả cho ông Nguyễn Văn Th là 202.899.700 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ phải trả theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th. Buộc anh Nguyễn Quang H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 202.899.700 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu tám trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm đồng). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.144.985 đồng.

Ông Nguyễn Văn Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.749.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001236 ngày 18 tháng 03 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND. TP M, TG;

- Chi cục THADS. TP M, TG;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo

